

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thú y; Chuyên ngành: Thú y

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: HOÀNG MINH ĐỨC
2. Ngày tháng năm sinh: 29/03/1986; Giới tính: Nam ☒, Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 151, thôn Hà Phong, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.  
Điện thoại di động: 0982 649 386;

E-mail: [hoangminhduc@vnua.edu.vn](mailto:hoangminhduc@vnua.edu.vn)

**7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

- Từ tháng 3/2010 đến tháng 2/2011: Giảng viên tập sự, Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 3/2011 đến tháng 3/2022: Giảng viên Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng 4/2022 đến nay: Trưởng Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.

- Điện thoại cơ quan: 024 6261 7586

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): ...

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ...

- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ...

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 07 năm 2009; số văn bằng: A 328089; ngành: Thú y; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam), Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 09 năm 2016; số văn bằng: 3644; ngành: Công nghệ sinh học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kyushu, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 09 năm 2019; số văn bằng: No. 1023; ngành: Công nghệ sinh học; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kyushu, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thú y

- Chăn nuôi - Thủy sản.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Vi khuẩn kháng kháng sinh

- Các chất kháng khuẩn

- Bệnh truyền nhiễm và phương pháp xử lý chất thải, xác vật nuôi mắc bệnh truyền nhiễm.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **0 (Không)** NCS bảo vệ thành công luận án TS

- Đã hướng dẫn **05 HVCH** bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này)

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm **01** đề tài trọng điểm cấp cơ sở; chủ nhiệm **01** đề tài Mekarn; tham gia **01** đề tài cấp Bộ; tham gia **01** đề tài cấp cơ sở.

- Đã công bố **50** bài báo khoa học, trong đó **26** bài báo khoa học thuộc tạp chí quốc tế có uy tín (ISI/Scopus).

- Đã được cấp **0 (Không)** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.

- Số lượng sách đã xuất bản **02**, trong đó **02** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0 (Không)**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu)



- Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” năm học 2020-2021 (Quyết định số 5086/QĐ-HVN ngày 22/10/2021).
  - Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” năm học 2021-2022 (Quyết định số 4818/QĐ-HVN ngày 26/8/2022).
  - Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” năm học 2022-2023 (Quyết định số 5573/QĐ-HVN ngày 09/10/2023).
  - Bằng khen “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2020 – 2021 và năm học 2021 – 2022” của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Quyết định số 4349/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/11/2022).
  - Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ” năm học 2022 – 2023 của Ban chấp hành Công đoàn giáo dục Việt Nam (Quyết định số 302/QĐ-CDN ngày 21/8/2023).
  - Giấy khen “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017” của ban chấp hành Đảng bộ tại Nhật Bản (Quyết định số 03/2018-QĐKT ngày 12/1/2018).
  - Giấy khen “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018” của ban chấp hành Đảng bộ tại Nhật Bản (Quyết định số 01/2019-QĐKT ngày 30/3/2019).
  - Giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2022 của ban chấp hành Đảng bộ Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Quyết định số 172-QĐ/ĐU ngày 28/12/2022).
  - Giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2023 của ban chấp hành Đảng bộ Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Quyết định số 226-QĐ/ĐU ngày 30/12/2023).
  - Giấy khen của Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Fukuoka đã có thành tích trong học tập, tích cực đóng góp trong công tác cộng đồng, hoạt động giao lưu giáo dục – văn hóa quốc tế tại Fukuoka, Nhật Bản năm 2018 – 2019 (Quyết định số 02/2019/QĐKT/TLSQ ngày 01/11/2019).
  - Khen thưởng thành tích nghiên cứu khoa học của Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Quyết định số 2222/QĐ-HVN ngày 15/5/2024).
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**
- B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**
1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:
- Mức độ hoàn thành khối lượng giảng dạy: Ứng viên luôn hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy trong 7 năm công tác (2011-2012, 2012-2013, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).
  - Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành: Ứng viên luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của giảng viên. Ba năm liên tiếp gần đây là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2020-2021, 2021-2022, 2022-2023), được nhận bằng khen “đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022” của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.



*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Năng lực giảng dạy: Ứng viên có năng lực giảng dạy tốt, phương pháp giảng dạy khoa học, thường xuyên cải tiến nội dung bài giảng, cập nhật kiến thức mới, kết quả nghiên cứu khoa học mới vào bài giảng.

- Phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng KHCN: Ứng viên là thành viên tổ kỹ thuật của tiểu ban quốc gia phòng chống kháng kháng sinh của Bộ Nông nghiệp: Tham gia soạn thảo “Kế hoạch hành động quốc gia về phòng chống kháng kháng sinh trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2021-2025”, soạn thảo “Khung chương trình nghiên cứu kháng kháng sinh”. Tham gia góp ý “Hướng dẫn sử dụng kháng sinh an toàn và hiệu quả trên vật nuôi” của Cục Thú y.

- Đóng góp trong công tác đào tạo: Ứng viên đã tham gia viết 02 giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo chuyên ngành Thú y tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Biên soạn đề cương chi tiết học phần Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật, mã môn học TY03016, chuyên ngành Thú y. Đã hướng dẫn 68 sinh viên bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp, 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS, hướng dẫn 02 HVCH đang thực hiện luận văn ThS và 02 NCS đang thực hiện luận án TS. Hướng dẫn nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học tham gia Giải thưởng Nghiên cứu khoa học - Euréka lần thứ 24, 25 năm 2022 và 2023 do Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh phối hợp cùng với Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Hướng dẫn nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và đạt được các thành tích: 01 đề tài đạt giải nhất, 01 đề tài đạt giải nhì tại cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2024” và 01 ý tưởng nghiên cứu khoa học đạt giải nhì tại hội thi “Ý tưởng sáng tạo Khoa học của sinh viên năm 2024” do Khoa Thú y tổ chức; 01 đề tài đạt giải nhì, 01 đề tài đạt giải khuyến khích tại cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2024” do Học viện Nông nghiệp Việt Nam tổ chức.

- Năng lực nghiên cứu: Ứng viên có năng lực nghiên cứu tốt, đã tham gia 01 đề tài cấp Bộ được nghiệm thu xếp loại Tốt, chủ nhiệm 01 đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu xếp loại Tốt; chủ nhiệm 01 đề tài Mekarn (Thụy Điển) đã nghiệm thu; tham gia 01 đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đạt loại Khá. Ngoài ra, ứng viên chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ và 01 dự án hợp tác quốc tế, thư ký 01 đề tài trọng điểm cấp cơ sở, tham gia 01 đề tài cấp cơ sở đang trong quá trình thực hiện. Ứng viên được nhận bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ” năm học 2022 - 2023 của Ban chấp hành Công đoàn giáo dục Việt Nam.

- Kết quả công bố và xuất bản: Ứng viên có năng lực tốt trong việc xuất bản các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước. Tính từ năm 2012 đến nay, ứng viên đã xuất bản 50 bài báo, trong đó 29 bài là tác giả chính, 26 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, 17 bài thuộc tạp chí Q1 và 7 bài thuộc tạp chí Q2. Trong số bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, 12 bài báo là tác giả chính công bố sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ với tổng số lượt trích dẫn của tất cả các bài báo là 517.

- Tổ chức nghiên cứu: Ứng viên là cán bộ có khả năng tổ chức nhóm nghiên cứu, tham gia xây dựng đề án thành lập nhóm nghiên cứu mạnh “Vệ sinh an toàn thực phẩm” thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam và giữ vai trò trưởng nhóm. Đồng thời cũng tham gia xây dựng, tổ chức và quản lý phòng nghiên cứu “Vi sinh vật thú y” thuộc Trung tâm Nghiên cứu xuất



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước sắc và Đổi mới sáng tạo - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Hướng dẫn nhiều nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và đạt thành tích cao.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: Ứng viên là thành viên tiểu ban khoa học (phản biện) của Hội nghị khoa học Chăn nuôi - Thú y toàn quốc lần thứ V được tổ chức tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam vào ngày 05 – 07/10/2023.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 3 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1               | 2011-2012 | /                         | /   |                                    | 1                                       | 314                                |     | 314/452,9/260                                                                             |
| 2               | 2012-2013 | /                         | /   |                                    |                                         | 130                                |     | 130/253,7/195                                                                             |
| 3               | 2019-2020 | /                         | /   |                                    | 5                                       | 201                                |     | 201/526,4/202,5                                                                           |
| 4               | 2020-2021 | /                         | /   |                                    | 23                                      | 220                                |     | 220/747/270                                                                               |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 5               | 2021-2022 | /                         | /   | 2                                  | 16                                      | 330                                | 20  | 350/1047,2/270                                                                            |
| 6               | 2022-2023 | /                         | /   | 3                                  | 15                                      | 290                                | 40  | 330/1141,2/216                                                                            |
| 7               | 2023-2024 | /                         | /   |                                    | 14                                      | 268                                | 25  | 293/851,4/216                                                                             |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
 - Bảo vệ luận văn ThS ☒, luận án TS ☒, hoặc TSKH ☐; tại nước: Nhật Bản năm 2016 và 2019.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp: .....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: .....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/CK<br>2/BSNT | Đối tượng |                | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                 | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng                                                                                                                                                                                              |
|----|-----------------------------------------|-----------|----------------|-----------------------|-----|------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                         | NCS       | HVCH /CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                               |                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1  | Cam Thị Thu Hà                          | ✓         |                | ✓                     |     | Đang thực hiện                     | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | - Quyết định Điều chỉnh và bổ sung người hướng dẫn cho NCS Cam Thị Thu Hà số 6844/QĐ-HVN ngày 02/12/2022.<br>- Quyết định Thay đổi và bổ sung người hướng dẫn cho NCS Cam Thị Thu Hà số 1428/QĐ-HVN ngày 29/03/2024.                               |
| 2  | Nguyễn Văn Thắng                        | ✓         |                | ✓                     |     | Đang thực hiện                     | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | - Quyết định Công nhận là nghiên cứu sinh số 1218/QĐ-HVN ngày 20/03/2024.                                                                                                                                                                          |
| 3  | Nguyễn Hồng Lĩnh                        |           | ✓              | ✓                     |     | 2021 - 2022                        | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | - Quyết định Phân công người hướng dẫn và tên đề tài luận văn thạc sĩ cho học viên K29 (2020-2022) đợt 1 năm 2021 số 4713/QĐ-HVN ngày 05/10/2021.<br>- Quyết định Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2022 số 4986/QĐ-HVN ngày 06/9/2022. |
| 4  | Mai Thanh Tinh                          |           | ✓              |                       | ✓   | 2021-2022                          | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | - Quyết định Phân công người hướng dẫn và tên đề tài luận văn thạc sĩ cho học viên K29 (2020-                                                                                                                                                      |



|   |                          |  |   |   |  |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---|--------------------------|--|---|---|--|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                          |  |   |   |  |                | 2022) đợt 1 năm 2021 số 4713/QĐ-HVN ngày 05/10/2021.<br>- Quyết định Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2022 số 4986/QĐ-HVN ngày 6/9/2022.                                                                                                                                                                                                                                            |
| 5 | Nguyễn Văn Minh          |  | √ | √ |  | 2022-2023      | Học viện Nông nghiệp Việt Nam<br>- Quyết định Phân công người hướng dẫn và tên đề tài luận văn thạc sĩ cho học viên K30 (2021-2023) đợt 1 năm 2022 số 3285/QĐ-HVN ngày 17/6/2022.<br>- Quyết định Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ đợt 2 năm 2023 số 4372/QĐ-HVN ngày 4/8/2023.                                                                                                         |
| 6 | Ryan Jay Añana Ogao-Ogao |  | √ | √ |  | 2023           | Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên<br>- Quyết định Phân công giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp cho học viên cao học Khóa 29 ngành Khoa học môi trường số 200/QĐ-ĐHNL ngày 20/3/2023.<br>- Quyết định Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho học viên ngành Khoa học môi trường theo chương trình học bổng DAAD đợt tháng 12 năm 2023 số 1110/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 28/12/2023. |
| 7 | Ei Phyu Win              |  | √ | √ |  | 2023           | Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên<br>- Quyết định Phân công giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp cho học viên cao học Khóa 29 ngành Khoa học môi trường số 200/QĐ-ĐHNL ngày 20/3/2023.<br>- Quyết định Thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ Khóa 28 và 29 ngành Khoa học môi trường - Chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh số 610/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 24/7/2023.        |
| 8 | Nguyễn Quốc Hùng         |  | √ | √ |  | Đang thực hiện | Học viện Nông nghiệp Việt Nam<br>- Quyết định Phân công người hướng dẫn và tên đề tài luận văn cho học viên K31 số 3782/QĐ-HVN ngày 7/7/2023.                                                                                                                                                                                                                                                   |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|   |                |   |   |  |                |                               |                                                                                                              |
|---|----------------|---|---|--|----------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9 | Phạm Thùy Linh | √ | √ |  | Đang thực hiện | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | - Quyết định Phân công người hướng dẫn và tên đề tài luận văn cho học viên K31 số 786/QĐ-HVN ngày 27/2/2024. |
|---|----------------|---|---|--|----------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                        | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|---------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
| 1  |                                 |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS   |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
| 1  | Giáo trình Vệ sinh thú y 1      | GT                         | 2022                         | 6          |          | 67 - 78                                 | Số 901/HVN-NXB ngày 22/5/2024                              |
| 2  | Giáo trình Vệ sinh thú y 2      | GT                         | 2023                         | 8          |          | 76 - 95                                 | Số 902/HVN-NXB ngày 22/5/2024                              |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                                                         | CN/PCN/TK  | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/ Xếp loại KQ |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------|---------------------|------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                                                        |            |                      |                     |                                                      |
| 1  | Nghiên cứu ứng dụng phương pháp ủ hiếu khí vi sinh vật xử lý phân, chất độn chuồng các loại vật nuôi, xác chết gia cầm và xây dựng phương pháp xử lý xác chết gia cầm trong các ổ dịch | Thành viên | B2010-11-174, cấp Bộ | 01/2010 - 12/2011   | Nghiệm thu ngày: 09/10/2012<br>Xếp loại : Tốt        |



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                                                                                                                               |            |                                                                 |                   |                                              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------|
| 2  | A study on aerobic composting method to manage pig manure on Small-scale farms                                                                                                                                                | CN         | MEKARN (Thụy Điển)                                              | 2011-2012         | 2012                                         |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                                                                                                 |            |                                                                 |                   |                                              |
| 3  | Ứng dụng kỹ thuật compost hiệu khí xử lý xác lợn mắc bệnh Dịch tả lợn châu Phi tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam                                                                                                              | CN         | T2019-03-07TĐ, cấp cơ sở                                        | 12/2019 - 06/2022 | Nghiệm thu ngày: 08/11/2022<br>Xếp loại: Tốt |
| 4  | Xác định một số đặc tính sinh học và tính kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Listeria monocytogens</i> phân lập từ thịt gà                                                                                                      | TK         | T2021-09-36, cấp cơ sở                                          | 01/2021 - 12/2021 | Nghiệm thu ngày: 24/03/2022<br>Xếp loại: Khá |
| 5  | Nghiên cứu đặc tính sinh học, mức độ kháng kháng sinh của vi khuẩn đường ruột ( <i>E. coli</i> và <i>Salmonella</i> ) trong thịt gà và thịt lợn và đề xuất biện pháp sinh học để hạn chế vi khuẩn kháng kháng sinh trong thịt | CN         | Cấp Bộ                                                          | 2021-2024         | Đang thực hiện                               |
| 6  | Xác định một số yếu tố độc lực và tính kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> sản sinh độc tố Shiga (STEC) phân lập từ thịt bán tại chợ và siêu thị trên địa bàn thành phố Hà Nội                              | TK         | T2022-09-07TĐ, cấp cơ sở                                        | 07/2022 - 07/2024 | Đang thực hiện                               |
| 7  | Sử dụng thực khuẩn thể để kiểm soát <i>Staphylococcus aureus</i> kháng Methicillin phân lập từ bò bị viêm vú tại Việt Nam                                                                                                     | CN         | I3-B-6697-1, Dự án hợp tác quốc tế (Quỹ Khoa học Quốc tế - IFS) | 10/2022-10/2024   | Đang thực hiện                               |
| 8  | Phân lập và tuyển chọn các chủng vi khuẩn Lactic có đặc tính Probiotic                                                                                                                                                        | Thành viên | T2024-09-30, cấp cơ sở                                          | 01/2024 - 12/2024 | Đang thực hiện                               |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; DT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                                                                 | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                                  | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN  | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang                 | Tháng, năm công bố |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|
| <b>A. Bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế</b> |                                                                                                                                                                         |            |                  |                                                  |                                                   |                                            |                                |                    |
| I                                                                  | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                                         |            |                  |                                                  |                                                   |                                            |                                |                    |
| 1                                                                  | Ứng dụng kỹ thuật ủ hiếu khí vi sinh vật xử lý phân gà và bước đầu ứng dụng xử lý xác gà.                                                                               | 4          |                  | Tạp chí Khoa học và phát triển/ISSN 1859-0004    |                                                   |                                            | Tập 10, Số 3, trang 417 – 424  | 2012               |
| 2                                                                  | Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật ủ hiếu khí vi sinh vật xử lý phân bò sữa.                                                                                                  | 3          |                  | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ISSN 1859-4751   |                                                   |                                            | Tập XIX, Số 5, trang 72 – 78   | 2012               |
| 3                                                                  | Một số đặc điểm sinh học của ốc <i>Bithynia spp.</i> và đặc điểm bệnh lý bệnh sán lá gan nhỏ do <i>Clonorchis sinensis</i> gây ra.                                      | 6          |                  | Tạp chí Khoa học và phát triển/ISSN 1859-0004    |                                                   |                                            | Tập 10, số 3, trang 444 – 450  | 2012               |
| 4                                                                  | Virulence characteristics of Shiga toxin-producing <i>Escherichia coli</i> from raw meats and clinical samples.                                                         | 5          |                  | Microbiology and Immunology/ISSN 0385-5600       | ISI (Q3; IF: 1,562)                               | 41                                         | Tập 59, số 3, trang 114 – 122  | 2015               |
| 5                                                                  | Identification of the newly identified subtilase cytotoxin-encoding gene (subAB2-2) among clinical Shiga toxin-producing <i>Escherichia coli</i> isolates.              | 4          |                  | Canadian journal of microbiology/ISSN 0008-4166  | ISI (Q2; IF: 1,448)                               | 5                                          | Tập 61, số 12, trang 990 – 994 | 2015               |
| 6                                                                  | Isolation and bio-control of Extended Spectrum Beta-Lactamase (ESBL)-producing <i>Escherichia coli</i> contamination in raw chicken meat by using lytic bacteriophages. | 4          | √                | LWT - Food Science and Technology/ISSN 0023-6438 | ISI (Q1; IF: 3,379)                               | 38                                         | Tập 71, trang 339– 346         | 2016               |



|    |                                                                                                                                                                           |    |   |                                                                |                        |     |                                     |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|----------------------------------------------------------------|------------------------|-----|-------------------------------------|------|
| 7  | Genotyping of <i>Campylobacter jejuni</i> Isolated from Chicken Meat and Guts Using Random Amplified Polymorphic DNA (RAPD) Typing and Automated Ribotyping.              | 6  |   | Journal of Antibacterial and Antifungal Agents/ ISSN 0385-5201 |                        |     | Tập 44, số 10, trang 515–519        | 2016 |
| 8  | Characterization and Application of Lytic Bacteriophages against <i>Campylobacter jejuni</i> Isolated from Poultry in Japan.                                              | 6  |   | Biocontrol Science/ ISSN 1342-4815                             | Scopus (Q3; IF: 0,861) | 22  | Tập 22, số 4, trang 213–221         | 2017 |
| 9  | Isolation and application of bacteriophages to reduce <i>Salmonella</i> contamination in raw chicken meat.                                                                | 4  | √ | LWT - Food Science and Technology/ ISSN 0023-6438              | ISI (Q1; IF: 4,097)    | 114 | Tập 91, trang 353–360               | 2018 |
| 10 | Application of bacteriophages in simultaneously controlling <i>Escherichia coli</i> O157:H7 and extended-spectrum beta-lactamase producing <i>Escherichia coli</i> .      | 5  | √ | Applied Microbiology and Biotechnology/ ISSN 0175-7598         | ISI (Q1; IF: 3,916)    | 40  | Tập 102, số 23, trang 10259 – 10271 | 2018 |
| 11 | Baicalein Inhibits Stx1 and 2 of EHE: Effects of Baicalein on the Cytotoxicity, Production, and Secretion of Shiga Toxins of Enterohaemorrhagic <i>Escherichia coli</i> . | 10 |   | Toxins/ ISSN 2072-6651                                         | ISI (Q1; IF: 3,724)    | 12  | Tập 11, số 9                        | 2019 |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                                             |    |   |                                                                |                        |     |                                     |      |
| 12 | Isolation and application of bacteriophages alone or in combination with nisin against planktonic and biofilm cells of <i>Staphylococcus aureus</i> .                     | 7  | √ | Applied Microbiology and Biotechnology/ ISSN 0175-7598         | ISI (Q1; IF: 3,916)    | 42  | Tập 104, trang 5145-5158            | 2020 |
| 13 | Characterization and utilization of phages specific to <i>Campylobacter coli</i> .                                                                                        | 5  |   | Access Microbiology/ ISSN 2516-8290                            |                        | 1   | Tập 2 số 2                          | 2020 |

|    |                                                                                                                                                                            |    |   |                                                      |                           |     |                                       |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|------------------------------------------------------|---------------------------|-----|---------------------------------------|------|
| 14 | Isolation, characterization and application of a polyvalent phage capable of controlling <i>Salmonella</i> and <i>Escherichia coli</i> O157:H7 in different food matrices. | 8  | √ | Food Research International/<br>ISSN 0963-9969       | ISI (Q1;<br>IF:<br>6,594) | 107 | Tập 131,<br>bài<br>108977             | 2020 |
| 15 | Effects of bacteriophage on inhibition and removal of mixed biofilm of enterohemorrhagic <i>Escherichia coli</i> O157:H7 and O91:H-.                                       | 9  |   | LWT - Food Science and Technology/<br>ISSN 0023-6438 | ISI (Q1;<br>IF:<br>4,998) | 10  | Tập 134,<br>bài<br>109945             | 2020 |
| 16 | Endolysin LysSTG2: Characterization and application to control <i>Salmonella</i> Typhimurium biofilm alone and in combination with slightly acidic hypochlorous water.     | 6  |   | Food Microbiology/<br>ISSN 0740-0020                 | ISI (Q1;<br>IF:<br>6,354) | 24  | Tập 98,<br>bài<br>103791              | 2021 |
| 17 | Một số phương pháp phát hiện vi khuẩn gây bệnh truyền qua thực phẩm.                                                                                                       | 4  |   | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/<br>ISSN 1859-4751   |                           |     | Tập XXVIII,<br>số 2, trang<br>77 – 83 | 2021 |
| 18 | Inhibition of phage-resistant bacterial pathogen re-growth with the combined use of bacteriophages and EDTA.                                                               | 10 |   | Food Microbiology/<br>ISSN 0740-0020                 | ISI (Q1;<br>IF:<br>6,354) | 12  | Tập 100,<br>bài<br>103853             | 2021 |
| 19 | Khả năng kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> phân lập từ thịt (lợn, gà) tại chợ bán lẻ thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.                                      | 9  | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/<br>ISSN 1859-4751   |                           |     | Tập XXIX, số 6, trang 41 – 47         | 2022 |
| 20 | Application of endolysin LysSTG2 as a potential biocontrol agent against planktonic and biofilm cells of <i>Pseudomonas</i> on various food and food contact surfaces.     | 6  |   | Food Control/<br>ISSN 0956-7135                      | ISI (Q1;<br>IF:<br>6,916) | 21  | Tập 131,<br>bài<br>108460             | 2022 |



|    |                                                                                                                                                |    |   |                                                            |                     |    |                                  |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|------------------------------------------------------------|---------------------|----|----------------------------------|------|
| 21 | Khả năng kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Listeria monocytogenes</i> phân lập từ thịt gà.                                                      | 4  |   | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN 1859-0004      |                     |    | Tập 20, số 11, trang 1488 – 1495 | 2022 |
| 22 | The use of composting for the disposal of African swine fever virus-infected swine carcasses.                                                  | 11 | √ | Transboundary and Emerging Diseases/ ISSN 1865-1674        | ISI (Q1; IF: 5,086) | 10 | Tập 69, số 5                     | 2022 |
| 23 | Đánh giá ảnh hưởng của vi khuẩn <i>Bacillus Subtilis</i> BA-B2013 đối với tăng trọng và số lượng vi khuẩn đường ruột của gà.                   | 7  |   | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN 1859-4751            |                     |    | Tập XXIX, số 5, trang 31 – 36    | 2022 |
| 24 | Isolation and genetic characterization of canine distemper virus in domestic dogs from central and northern provinces in Vietnam.              | 8  | √ | Research in Veterinary Science/ ISSN 1532-2661             | ISI (Q1; IF: 2,443) | 4  | Tập 153, trang 105 – 114         | 2022 |
| 25 | Genomic characterization and application of a novel bacteriophage STG2 capable of reducing planktonic and biofilm cells of <i>Salmonella</i> . | 7  | √ | International Journal of Food Microbiology/ ISSN 0168-1605 | ISI (Q1; IF: 5,704) | 2  | Tập 385, bài 109999              | 2023 |
| 26 | Viability of African Swine Fever Virus with the Shallow Burial with Carbon Carcass Disposal Method.                                            | 15 | √ | Pathogens/ ISSN 0168-1605                                  | ISI (Q2; IF: 4,531) | 1  | Tập 12, số 4, bài 628            | 2023 |
| 27 | The Use of Phage Cocktail and Various Antibacterial Agents in Combination to Prevent the Emergence of Phage Resistance.                        | 6  | √ | Antibiotics/ ISSN 2079-6382                                | ISI (Q1; IF: 4,448) | 4  | Tập 12, số 6, bài 1077           | 2023 |
| 28 | Static Aerated Composting of African Swine Fever Virus-Infected Swine Carcasses with Rice Hulls and Sawdust.                                   | 14 | √ | Pathogens/ ISSN 2076-0817                                  | ISI (Q2; IF: 4,531) | 1  | Tập 12, số 5, bài 721            | 2023 |

|    |                                                                                                                                                                                                          |    |   |                                                            |                     |   |                                  |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|------------------------------------------------------------|---------------------|---|----------------------------------|------|
| 29 | Biocontrol of <i>Salmonella</i> Typhimurium in milk, lettuce, raw pork meat and ready-to-eat steamed-chicken breast by using a novel bacteriophage with broad host range.                                | 15 |   | International Journal of Food Microbiology/ ISSN 0168-1605 | ISI (Q1; IF: 5,704) | 5 | Tập 402, bài 110295              | 2023 |
| 30 | Genome-wide CRISPR screen identifies GNE as a key host factor that promotes influenza A virus adsorption and endocytosis.                                                                                | 18 |   | Microbiology Spectrum/ ISSN 2165-0497                      | ISI (Q1; IF: 3,777) | 1 | Tập 11, số 6                     | 2023 |
| 31 | Nghiên cứu khả năng kháng kháng sinh và sản sinh men Extended-spectrum beta-lactamase (ESBL) của vi khuẩn <i>Salmonella</i> phân lập từ thịt lợn, thịt gà bày bán tại chợ trên địa bàn Sóc Sơn – Hà Nội. | 3  | √ | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN 1859-0004      |                     |   | Tập 21, số 11, trang 1413 – 1422 | 2023 |
| 32 | Nghiên cứu khả năng kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> phân lập từ thịt gà, thịt lợn ở Sóc Sơn, Hà Nội.                                                                               | 3  | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN 1859-4751            |                     |   | Tập XXXI, số 1, trang 45-55      | 2024 |
| 33 | Nghiên cứu tính kháng kháng sinh của <i>Salmonella</i> phân lập từ thịt gà và thịt lợn bán tại chợ trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội.                                                        | 4  | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN 1859-4751            |                     |   | Tập XXXI, số 1, trang 56-63      | 2024 |
| 34 | Tỷ lệ nhiễm và tính kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> phân lập từ thịt bò và phân bò.                                                                                                | 4  | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN 1859-4751            |                     |   | Tập XXXI, số 2, trang 58 - 67    | 2024 |
| 35 | Genetic diversity and relatedness of feline parvovirus in Vietnam and its potential implications for canine-feline transmission.                                                                         | 6  |   | Archives of Virology/ ISSN 0304-8608                       | ISI (Q2; IF: 2,47)  |   | Tập 169, số 1, bài 11            | 2024 |
| 36 | Tác dụng của bổ sung thảo dược vào khẩu phần ăn đến cầu trùng, vi khuẩn                                                                                                                                  | 6  |   | Tạp chí Khoa học kỹ thuật                                  |                     |   | Số 297, trang 56 – 63            | 2024 |



|    |                                                                                                                                                                                   |   |   |                                                       |                   |  |                               |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------------------------|-------------------|--|-------------------------------|------|
|    | <i>Clostridium perfringens</i> và một số chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu của gà trống F1 (Đồng Tảo x Lương Phượng) thương phẩm.                                                    |   |   | chăn nuôi/ ISSN 1859 – 476X                           |                   |  |                               |      |
| 37 | Ảnh hưởng của bổ sung hỗn hợp thảo dược vào khẩu phần ăn đến khả năng sinh trưởng, lượng khí thải và vi khuẩn <i>Clostridium perfringens</i> trong phân lợn giai đoạn từ 30-60kg. | 5 |   | Tạp chí Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam/ ISSN 1859-0004 |                   |  | Tập 22 số 3, trang 350 – 358  | 2024 |
| 38 | Hiệu quả của việc bổ sung vi khuẩn Lactic vào thức ăn đến việc phòng bệnh viêm ruột hoại tử ở gà do <i>Clostridium perfringens</i> gây ra.                                        | 4 | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi/ ISSN 1859 – 476X |                   |  | Số 298, trang 77 – 84         | 2024 |
| 39 | Phân lập vi khuẩn <i>Campylobacter</i> từ thịt gà và tính miễn cảm của vi khuẩn này với kháng sinh.                                                                               | 4 | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y ISSN 1859-4751        |                   |  | Tập XXXI, số 3, trang 25 – 35 | 2024 |
| 40 | Xác định tỷ lệ nhiễm và tính kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Staphylococcus aureus</i> kháng methicillin (MRSA) phân lập từ sữa bò tươi.         | 4 | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y ISSN 1859-4751        |                   |  | Tập XXXI, số 3, trang 36 – 46 | 2024 |
| 41 | Xác định tính kháng kháng sinh và đặc tính sinh học phân tử của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> sản sinh men extended spectrum $\beta$ -lactamase (ESBL) phân lập từ vịt.        | 5 | √ | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam/ ISSN 1859-0004 |                   |  | Số 4, trang 466 – 475         | 2024 |
| 42 | Prevalence and antibiotic resistance profile of <i>Clostridium perfringens</i> isolated from pork and chicken meat in Vietnam.                                                    | 7 | √ | Pathogens/ ISSN 0168-1605                             | ISI (Q2; IF: 3,7) |  | Tập 13, số 5, bài 400         | 2024 |
| 43 | Ảnh hưởng của thực khuẩn thể bổ sung vào thức ăn đến khả năng phòng bệnh viêm                                                                                                     | 4 | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi/ ISSN 1859 – 476X |                   |  | Số 299, trang 55-60           | 2024 |

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

|                                                                              |                                                                                                                                                                                        |   |   |                                                         |                   |  |                             |      |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------|-------------------|--|-----------------------------|------|
|                                                                              | ruột hoại tử do <i>Clostridium Perfringens</i> trên gà                                                                                                                                 |   |   |                                                         |                   |  |                             |      |
| 44                                                                           | Xác định một số đặc tính Probiotic của các chủng vi khuẩn Lactic phân lập từ dưa muối và cà muối                                                                                       | 4 | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN 1859-4751         |                   |  | Tập XXXI, số 5, trang 56-64 | 2024 |
| 45                                                                           | Antibiotic resistance profile and bio-control of multidrug-resistant <i>Escherichia coli</i> isolated from raw milk in Vietnam using Bacteriophages                                    | 7 | √ | Pathogens/ ISSN 0168-1605                               | ISI (Q2; IF: 3,7) |  | Tập 13, số 6, bài 494       | 2024 |
| 46                                                                           | Phát hiện gen độc lực (stx1, stx2, eae, ehxA) và tính kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> phân lập từ thịt                                                           | 4 | √ | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam<br>ISSN 1859-0004 |                   |  | Tập 22, số 5, trang 606-614 | 2024 |
| 47                                                                           | Sự hiện diện của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> kháng kháng sinh trên chó mắc bệnh viêm ruột do Parvovirus gây ra                                                                    | 5 | √ | Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y/ ISSN 1859-4751         |                   |  | Tập XXXI, số 4, trang 31-39 | 2024 |
| 48                                                                           | Occurrence, antibiotic resistance profile and molecular characterization of <i>Staphylococcus aureus</i> isolated from pork and chicken meat sold in Gia Lam district, Hanoi city      | 4 | √ | Vietnam Journal of food control/ ISSN 2734-9152         |                   |  | Tập 7, số 2, trang 78-88    | 2024 |
| 49                                                                           | First report on the occurrence and antibiotic resistance profile of colistin-resistant <i>Escherichia coli</i> in raw beef and cow feces in Vietnam                                    | 4 | √ | Microorganisms/ ISSN 2076-2607                          | ISI (Q2; IF: 4,1) |  | Tập 12, bài 1305            | 2024 |
| 50                                                                           | Prevalence, molecular characterization and antimicrobial resistance profiles of Shiga toxin-producing <i>Escherichia coli</i> isolated from raw beef, pork and chicken meat in Vietnam | 6 | √ | Foods/ ISSN 2304-8158                                   | ISI (Q1; IF: 4,7) |  | Tập 13, bài 2059            | 2024 |
| <b>B. Báo cáo khoa học đăng trên Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế</b> |                                                                                                                                                                                        |   |   |                                                         |                   |  |                             |      |
| I                                                                            | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                                                        |   |   |                                                         |                   |  |                             |      |



|    |                                                                                                                                                                    |   |   |                                                                                                                                                 |  |  |               |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------|------|
| 51 | A study on aerobic composting method to manage pig manure on small-scale farms                                                                                     | 4 |   | Livestock-Based Farming Systems, Renewable Resources and the Environment (Mekarn 2012, Vietnam)                                                 |  |  |               | 2012 |
| 52 | Review of Culled Animal Disposal Methods and Regulation in Viet Nam and Demonstration of Using GIS to Identify Potential Disposal Sites                            | 3 |   | Environmental Animal Health Management Initiative (EAHMI) 2013, Philippines, (FAO)/ISBN 978-92-5-108303-1                                       |  |  | Trang 109-119 | 2013 |
| 53 | Isolation and Characterization of Bacteriophages against Shiga Toxin-producing <i>E. coli</i> and Extended Spectrum Beta Lactamase (ESBL)-producing <i>E. coli</i> | 3 |   | International Association for Food Protection (IAFP 2015, Hiệp hội quốc tế về bảo vệ thực phẩm, Mỹ) (Journal of Food Protection)/ISSN 0362-028X |  |  | Trang 256     | 2015 |
| 54 | Use of Bacteriophage for the Removal of <i>Salmonella</i> Biofilm on Cabbage                                                                                       | 4 | √ | ASM Microbe (American Society of Microbiology, Hiệp hội Vi sinh vật Mỹ)/ISSN 1558-7452                                                          |  |  |               | 2017 |
| 55 | Role of YafQ-DInJ toxin-antitoxin system and indole synthesis by TnaA in heat tolerance of <i>Escherichia coli</i>                                                 | 6 |   | FoodMicro 2018, Đức (International Committee of Food Microbiology and Hygiene) (Ủy ban Quốc tế về Vi sinh và Vệ sinh Thực phẩm)/ISSN 0168-1605  |  |  | Trang 199     | 2018 |

| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                                                         |    |   |                                                                                                     |  |  |          |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------|------|
| 56 | Viability of African Swine Fever Virus in Compost and Swine Lagoon.                                                                                                                   | 11 | √ | International Symposium on Animal Mortality Management (Hội thảo quốc tế về xử lý xác vật nuôi, Mỹ) |  |  | Online   | 2021 |
| 57 | Tỷ lệ nhiễm, khả năng kháng kháng sinh và đặc tính sinh học phân tử của vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> sản sinh men extended spectrum $\beta$ -lactamases (ESBLs) phân lập từ thịt. | 6  | √ | Hội thảo quốc gia về Vệ sinh an toàn thực phẩm ISBN 978-604-924-768-2                               |  |  | Trang 33 | 2023 |
| 58 | Tuyển chọn các chủng vi khuẩn có đặc tính probiotic, tiềm năng thay thế kháng sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.                                                                        | 4  | √ | Hội thảo quốc gia về Vệ sinh an toàn thực phẩm ISBN 978-604-924-768-2                               |  |  | Trang 35 | 2023 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **12 bài, thứ tự 12, 14, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 42, 45, 49, 50.**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1  |                                                |                 |                    |                            |            |
| 2  |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| 2  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/ dự án/ đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |
| 2  |                                                             |                                |                                              |                                    |                                 |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....  
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

Bài báo khoa học: “Biocontrol of *Salmonella Typhimurium* in milk, lettuce, raw pork meat and ready-to-eat steamed-chicken breast by using a novel bacteriophage with broad host range” đăng trên tạp chí “International Journal of Food Microbiology”, tập 402, ISI (Q1, IF: 5.704), năm 2023.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Hoàng Minh Đức**